
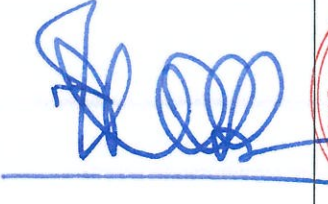




SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMT
		Lần ban hành 02
		Ngày ban hành: 20/10/2021

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/TỪ VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CÀN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Phạm Việt Hải	Chu Đức Long	Cao Trường Sơn
Chữ ký			 
Chức vụ	Thư ký BCĐ ISO	Phó Giám đốc	Giám đốc

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ	Mã hiệu: BMT
	Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Lần ban hành 02
		Ngày ban hành: 20/10/2021

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
2. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ	15/29	<p>A. Đổi tên các phòng sau:</p> <p>1. "Phòng Phát triển đô thị và Hạ tầng kỹ thuật" đổi thành "Phòng Phát triển đô thị";</p> <p>2. "Phòng Quản lý xây dựng" đổi thành "Phòng Hoạt động đầu tư xây dựng";</p> <p>3. "Phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng" đổi thành "Phòng Kinh tế - Vật liệu";</p> <p>4. "Phòng Quản lý nhà và thị trường bất động sản" đổi thành "Phòng Quản lý Nhà".</p> <p>B. Giải thể Chi cục Giám định xây dựng</p>	01	20/10/2021
3. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở	15/29	Bổ sung thêm "Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng Ninh Bình"	01	20/10/2021

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ	Mã hiệu: BMT
	Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Lần ban hành 02
		Ngày ban hành: 20/10/2021

1. MỤC ĐÍCH

Mô tả về phương pháp tổ chức quản lý có tính hệ thống của Sở, mô tả tóm lược việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và xác định rõ phạm vi áp dụng nhằm hướng dẫn CBCC, người lao động nắm rõ và tuân thủ thực thi.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng cho toàn bộ hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 của Sở.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 (điều 4.3)

4. ĐỊNH NGHĨA, TỪ VIẾT TẮT

HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

TCVN: Tiêu chuẩn Việt nam

CT: Xây dựng

5. NỘI DUNG

5.1 Giới thiệu chung Sở:

a. Lịch sử hình thành

Sở Xây dựng Ninh Bình được thành lập theo quyết định số 11/QĐ-UB ngày 21/4/1992 của UBND tỉnh Ninh Bình. Hiện nay, Sở Xây dựng đang hoạt động trên cơ sở Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 21/07/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình quy định cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình.

Qua nhiều năm hoạt động, bộ máy của ngành Xây dựng cơ bản ổn định về tổ chức, hoạt động đạt hiệu quả, chất lượng công việc ngày càng được nâng cao, ngành luôn tham mưu, giúp cho Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời chỉ đạo, giải quyết, quản lý tốt trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành Xây dựng được giao; góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương, của ngành trong thời gian qua.

b. Chức năng nhiệm vụ và tổ chức biên chế

*. Chức năng

Sở Xây dựng thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về các lĩnh vực: Quy hoạch xây dựng và kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm: Cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao; quản lý chất thải rắn thông thường tại đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị; công viên, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang, trừ nghĩa trang liệt sỹ; kết cấu hạ tầng giao thông đô thị, không bao gồm việc quản lý khai thác, sử dụng, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đô thị; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị); nhà ở; công sở; thị trường bất động sản; vật liệu xây dựng; về các dịch vụ công trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMT
		Lần ban hành 02
		Ngày ban hành: 20/10/2021

***. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo các quyết định, chỉ thị, các văn bản quy định việc phân công, phân cấp và ủy quyền trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở thuộc phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Dự thảo quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm, các chương trình, dự án trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở được Ủy ban nhân dân tỉnh giao;

c) Dự thảo chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở trên địa bàn tỉnh, đảm bảo phù hợp với mục tiêu và nội dung chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Dự thảo các văn bản quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với cấp trưởng, cấp phó của các đơn vị trực thuộc Sở; cấp trưởng, cấp phó của Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố sau khi phối hợp, thống nhất với các Sở quản lý ngành, lĩnh vực liên quan.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo các quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở;

b) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc Sở theo quy định của pháp luật;

3. Hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn, các quy hoạch phát triển, kế hoạch, chương trình, dự án đã được phê duyệt thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở;

4. Về quy hoạch xây dựng, kiến trúc (gồm: Quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn, quy hoạch xây dựng các khu chức năng đặc thù; thiết kế đô thị, quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị):

a) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng, kiến trúc, các quy định về lập, thẩm định, phê duyệt các loại đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

b) Tổ chức lập, thẩm định quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt và ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; hướng dẫn và phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện trong việc lập, thẩm định các quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt và ban hành của Ủy ban nhân dân huyện; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành;

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ	Mã hiệu: BMT
	Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Lần ban hành 02
		Ngày ban hành: 20/10/2021

c) Tổ chức lập, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc để Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn các chủ đầu tư trong việc tổ chức lập các đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện trong việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt các đồ án quy hoạch chung xây dựng xã và quy hoạch xây dựng nông thôn trên địa bàn xã theo phân cấp;

e) Quản lý và tổ chức thực hiện các quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt trên địa bàn tỉnh theo phân cấp, bao gồm: Tổ chức công bố, công khai các quy hoạch xây dựng; quản lý hồ sơ các mốc giới, chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng; cấp giấy phép quy hoạch, cấp chứng chỉ quy hoạch xây dựng; giới thiệu địa điểm xây dựng và hướng tuyến công trình hạ tầng kỹ thuật; cung cấp thông tin về quy hoạch, kiến trúc;

g) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về điều kiện hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư quy hoạch đô thị, điều kiện năng lực của các cá nhân và tổ chức tham gia thiết kế quy hoạch xây dựng hạng II và hạng III; về thi tuyển ý tưởng quy hoạch; thi tuyển, tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình trên địa bàn tỉnh;

h) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh.

5. Về hoạt động đầu tư xây dựng:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng, gồm: Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; khảo sát, thiết kế xây dựng; cấp giấy phép xây dựng; thi công, nghiệm thu, bảo hành và bảo trì công trình xây dựng; thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và kiểm định xây dựng; an toàn trong thi công xây dựng; quản lý chi phí đầu tư xây dựng; quản lý điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân và cấp phép hoạt động cho nhà thầu nước ngoài;

b) Tổ chức thẩm định dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng theo phân cấp; hướng dẫn, kiểm tra công tác thẩm định, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn, kiểm tra công tác lựa chọn nhà thầu trong hoạt động đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh;

d) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với hoạt động của các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập;

đ) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMT
		Lần ban hành 02
		Ngày ban hành: 20/10/2021

e) Tổ chức thực hiện việc giám định chất lượng công trình xây dựng, giám định sự cố công trình xây dựng theo phân cấp và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; theo dõi, tổng hợp và báo cáo cấp có thẩm quyền tình hình sự cố công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định;

g) Hướng dẫn công tác lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh; tổ chức lập đề Ủy ban nhân dân tỉnh công bố hoặc Sở công bố theo phân cấp: Các tập đơn giá xây dựng, đơn giá nhân công, giá ca máy và thiết bị xây dựng, giá vật liệu xây dựng, giá khảo sát xây dựng, giá thí nghiệm vật liệu và cấu kiện xây dựng, định mức dự toán các công việc đặc thù thuộc các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh chưa có trong danh mục định mức xây dựng do Bộ Xây dựng công bố; tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn việc áp dụng hoặc vận dụng các định mức, đơn giá xây dựng, chỉ số giá xây dựng, suất vốn đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn ngân sách của địa phương;

h) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc cấp, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh theo phân cấp;

i) Cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép hoạt động xây dựng cho các nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại địa bàn tỉnh theo phân cấp;

k) Cấp chứng chỉ năng lực hạng II, hạng III đối với tổ chức tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh; kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về điều kiện năng lực hành nghề xây dựng của cá nhân và điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức tham gia hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh. Tổ chức sát hạch, cấp, cấp lại, thu hồi chứng chỉ hành nghề đối với cá nhân, chứng chỉ năng lực đối với tổ chức tham gia hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc cấp, cấp lại, thu hồi và quản lý các loại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh;

l) Xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật, đăng tải và cung cấp thông tin về năng lực của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh (bao gồm cả các nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại địa bàn tỉnh);

m) Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động, môi trường trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh; kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn đối với máy, thiết bị, vật tư xây dựng có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các cơ quan liên quan xử lý vi phạm về an toàn, vệ sinh lao động, môi trường trong thi công xây dựng công trình; hướng dẫn giải quyết sự cố mất an toàn kỹ thuật trong thi công xây dựng công trình theo quy định của pháp luật;

n) Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá tổng thể hoạt động đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của Sở.

6. Về phát triển đô thị:

a) Tổ chức lập các loại quy hoạch theo quy định, chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và cho từng đô thị trên địa bàn tỉnh, đảm bảo phù hợp với chiến lược, quy

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMT
		Lần ban hành 02
		Ngày ban hành: 20/10/2021

hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị quốc gia, chương trình phát triển đô thị quốc gia, quy hoạch xây dựng vùng liên tỉnh, vùng tỉnh, quy hoạch chung đô thị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; xác định các khu vực phát triển đô thị và kế hoạch thực hiện; xác định các chỉ tiêu về lĩnh vực phát triển đô thị trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, chương trình sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Xây dựng các cơ chế, chính sách, giải pháp nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng và phát triển các đô thị đồng bộ, các khu đô thị mới, các chính sách, giải pháp quản lý quá trình đô thị hóa, các mô hình quản lý đô thị, khuyến khích phát triển các dịch vụ công trong lĩnh vực phát triển đô thị; tổ chức thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, ban hành;

c) Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh (như: Các chương trình nâng cấp đô thị; chương trình phát triển đô thị; đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu; kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh; các dự án cải thiện môi trường đô thị, nâng cao năng lực quản lý đô thị; các dự án đầu tư phát triển đô thị);

d) Tổ chức thực hiện việc đánh giá, phân loại đô thị hàng năm theo các tiêu chí đã được Chính phủ quy định theo chức năng, nhiệm vụ được phân công; thẩm định Đề án đề nghị công nhận đô thị loại V trên địa bàn tỉnh để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra các hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, khai thác sử dụng đất xây dựng đô thị theo quy hoạch và kế hoạch đã được phê duyệt; tổ chức thực hiện quản lý đầu tư phát triển đô thị theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư phát triển đô thị, pháp luật về đầu tư xây dựng và pháp luật có liên quan theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; hướng dẫn quản lý trật tự xây dựng đô thị;

e) Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư phát triển đô thị; tổ chức vận động, khai thác, điều phối các nguồn lực trong và ngoài nước cho việc đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Theo dõi, tổng hợp, đánh giá và báo cáo tình hình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh; tổ chức xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về tình hình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh.

7. Về hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, bao gồm: Cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp; quản lý chất thải rắn thông thường tại đô thị, khu công nghiệp, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sĩ); kết cấu hạ tầng giao thông đô thị; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị:

a) Về cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp:

Xây dựng kế hoạch, chương trình, chỉ tiêu và cơ chế chính sách phát triển hệ

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ	Mã hiệu:	BMT
	Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Lần ban hành	02
		Ngày ban hành:	20/10/2021

thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được phê duyệt.

Tổ chức lập, thẩm định, lấy ý kiến Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan về quy hoạch cấp nước, thoát nước trên địa bàn tỉnh theo quy định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản thẩm tra hoặc văn bản góp ý kiến về dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được phê duyệt.

Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, vận động, khai thác các nguồn lực để phát triển cấp nước, thoát nước trên địa bàn tỉnh theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; hướng dẫn và quản lý việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình, các mô hình công nghệ, mô hình quản lý hệ thống cấp nước, thoát nước phù hợp với đặc điểm và quy mô đô thị, khu công nghiệp; hướng dẫn quản lý, khai thác, bảo trì hệ thống cấp nước, thoát nước trong đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Về quản lý chất thải rắn thông thường:

Xây dựng kế hoạch, chương trình, chỉ tiêu và cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được phê duyệt.

Tổ chức lập, thẩm định, lấy ý kiến Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan về quy hoạch xử lý chất thải rắn theo quy định trên địa bàn tỉnh, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra việc lập, triển khai và quản lý quy hoạch xử lý chất thải rắn.

Tổ chức lập, thẩm định quy hoạch xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn theo quy định trên địa bàn tỉnh, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện.

Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, vận động, khai thác các nguồn lực để phát triển quy hoạch xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản thẩm tra hoặc đóng góp ý kiến đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được phê duyệt.

c) Về chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị:

Xây dựng kế hoạch, chương trình và các cơ chế chính sách khuyến khích phát triển chiếu sáng đô thị và cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; hướng dẫn việc thực hiện sau khi được phê duyệt.

Tổ chức lập, thẩm định quy hoạch chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với những quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh; đề nghị Bộ Xây dựng đóng góp ý kiến đối với quy hoạch chiếu

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ	Mã hiệu: BMT
	Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Lần ban hành 02
		Ngày ban hành: 20/10/2021

sáng đô thị đối với những quy hoạch cần lấy ý kiến theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chiếu sáng đô thị, quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh.

Hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh. Tổ chức lập, thẩm định về quy hoạch cây xanh đô thị theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh và lập danh mục cây trồng, cây cần bảo tồn, cây nguy hiểm, cây cấm trồng, cây trồng hạn chế trong đô thị trên địa bàn tỉnh theo phân cấp.

d) Về quản lý nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sĩ):

Xây dựng kế hoạch, chương trình và các cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quy hoạch và các hoạt động xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang.

Tổ chức lập, thẩm định, lấy ý kiến Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan về quy hoạch nghĩa trang trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định đối với những quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, vận động, khai thác các nguồn lực để tham gia trong lĩnh vực xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản thẩm tra hoặc văn bản góp ý kiến về dự án đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được phê duyệt.

đ) Về kết cấu hạ tầng giao thông đô thị:

Tổ chức lập, thẩm định quy hoạch giao thông đô thị trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với những quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh; đề nghị Bộ Xây dựng đóng góp ý kiến đối với những quy hoạch giao thông đô thị cần lấy ý kiến theo quy định của pháp luật; hướng dẫn việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch giao thông đô thị và nội dung quy hoạch giao thông trong đồ án quy hoạch đô thị; kiểm tra việc xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đô thị theo quy hoạch đô thị và quy hoạch giao thông đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Về quản lý xây dựng ngầm đô thị:

Xây dựng kế hoạch, chương trình và cơ chế chính sách khuyến khích phát triển xây dựng ngầm đô thị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được phê duyệt.

Hướng dẫn, kiểm tra công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện quy hoạch không gian xây dựng ngầm đô thị; trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định về quản lý xây dựng, khai thác công trình ngầm và công tác hạ ngầm các đường

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ	Mã hiệu: BMT
	Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Lần ban hành 02
		Ngày ban hành: 20/10/2021

dây, đường cáp trong đô thị; hướng dẫn việc thực hiện sau khi được phê duyệt; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về công trình ngầm đô thị.

g) Về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị:

Hướng dẫn, kiểm tra công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị có liên quan đến việc xác định công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị sau khi được phê duyệt.

h) Hướng dẫn công tác lập và quản lý chi phí các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở; tổ chức lập đề Ủy ban nhân dân tỉnh công bố hoặc ban hành định mức dự toán các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh mà chưa có trong các định mức dự toán do Bộ Xây dựng công bố, hoặc đã có nhưng không phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện cụ thể của tỉnh; tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn việc áp dụng hoặc vận dụng các định mức, đơn giá về dịch vụ hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh và giá dự toán chi phí các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật sử dụng nguồn vốn ngân sách của địa phương; kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

i) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về hạ tầng kỹ thuật:

Lập báo cáo về tình hình phát triển hạ tầng kỹ thuật bao gồm: Thực trạng về xây dựng phát triển; tình hình lập, thẩm định phê duyệt quy hoạch và phát triển quy hoạch; tình hình đầu tư xây dựng và triển khai dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật tại địa bàn tỉnh, quản lý giá các dịch vụ liên quan đến hạ tầng kỹ thuật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở.

8. Về nhà ở:

a) Nghiên cứu xây dựng đề trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định ban hành chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh, bao gồm chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở nói chung và các chương trình mục tiêu của tỉnh về hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng xã hội gặp khó khăn về nhà ở; tổ chức triển khai thực hiện sau khi được cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan:

Hướng dẫn việc lập, thẩm định, phê duyệt các dự án phát triển nhà ở, thẩm định các dự án phát triển nhà ở do Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận hoặc quyết định đầu tư; thực hiện lựa chọn chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở thương mại và nhà ở xã hội để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền;

Xây dựng các cơ chế, chính sách về phát triển và quản lý nhà ở phù hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành theo thẩm quyền; đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ	Mã hiệu: BMT
	Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Lần ban hành 02
		Ngày ban hành: 20/10/2021

c) Tổ chức việc thẩm định giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội đối với các dự án phát triển nhà ở xã hội trên phạm vi địa bàn tỉnh; xây dựng khung giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do các hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng, giá dịch vụ quản lý, vận hành nhà ở xã hội theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở xã hội hàng năm, 05 (năm) năm được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách địa phương hoặc bằng nguồn vốn xã hội hóa để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt; hướng dẫn thực hiện việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư xây dựng nhà ở xã hội từ ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;

đ) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, điều chỉnh, bổ sung quỹ đất dành để phát triển nhà ở xã hội trong quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị của tỉnh; trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thu hồi quỹ đất thuộc các dự án phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị mới đã giao cho các chủ đầu tư, nhưng không triển khai hoặc triển khai chậm so với tiến độ đã được phê duyệt, quỹ đất 20% dành để xây dựng nhà ở xã hội trong các dự án phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị mới nhưng chưa sử dụng để giao cho các chủ đầu tư có nhu cầu đầu tư xây dựng nhà ở xã hội;

e) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch phát triển quỹ nhà ở công vụ do tỉnh quản lý (bao gồm nhu cầu đất đai và vốn đầu tư xây dựng) theo quy định về tiêu chuẩn diện tích nhà ở công vụ do Thủ tướng Chính phủ ban hành;

g) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định và công khai các tiêu chuẩn, đối tượng và điều kiện được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, thuê nhà ở công vụ, nhà ở thuộc sở hữu nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh; ban hành khung giá cho thuê nhà ở công vụ; khung giá cho thuê, thuê mua và giá bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về tiếp nhận quỹ nhà ở tự quản của Trung ương và của tỉnh để thống nhất quản lý, thực hiện bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê theo quy định của pháp luật;

h) Tham gia định giá các loại nhà trên địa bàn tỉnh theo khung giá, nguyên tắc và phương pháp định giá các loại nhà của Nhà nước;

i) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn xây dựng nhà ở, nhà ở xã hội; hướng dẫn thực hiện việc phân loại, thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, quy chế quản lý, sử dụng, chế độ bảo hành, bảo trì nhà ở, nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh;

k) Tổ chức thực hiện các chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển và quản lý nhà ở; thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở;

l) Tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện phát triển nhà ở, nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Chính phủ;

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ	Mã hiệu:	BMT
	Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Lần ban hành	02
		Ngày ban hành:	20/10/2021

m) Tổ chức điều tra, thống kê, đánh giá định kỳ về nhà ở thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh; tổ chức xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin về nhà ở thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh.

9. Về công sở:

a) Tổ chức lập, thẩm định quy hoạch phát triển hệ thống công sở các cơ quan hành chính nhà nước, trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước của các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn xây dựng công sở, trụ sở làm việc; hướng dẫn thực hiện việc phân loại, thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, quy chế quản lý, sử dụng, chế độ bảo hành, bảo trì công sở, trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh;

c) Phối hợp với Sở Tài chính thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng, mua bán, cho thuê, thuê mua đối với công sở, trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức điều tra, thống kê, đánh giá định kỳ về công sở thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh; tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin về công sở thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh.

10. Về thị trường bất động sản:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách phát triển và quản lý thị trường bất động sản; các giải pháp nhằm minh bạch hóa hoạt động giao dịch, kinh doanh bất động sản trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, ban hành;

b) Thực hiện các chính sách, giải pháp điều tiết và bình ổn thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về điều kiện năng lực của chủ đầu tư dự án phát triển đô thị, dự án phát triển nhà ở, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và các dự án đầu tư kinh doanh bất động sản khác trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn các quy định về bất động sản được đưa vào kinh doanh;

d) Tổ chức thẩm định hồ sơ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ các dự án khu đô thị mới, dự án phát triển nhà ở, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép chuyển nhượng dự án theo thẩm quyền; hướng dẫn kiểm tra các quy định của pháp luật trong hoạt động mua bán, cho thuê, cho thuê mua nhà, công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh;

đ) Kiểm tra hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản; thực hiện việc cấp và quản lý chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trên địa bàn tỉnh;

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMT
		Lần ban hành 02
		Ngày ban hành: 20/10/2021

e) Theo dõi, tổng hợp tình hình, tổ chức xây dựng hệ thống thông tin về thị trường bất động sản, hoạt động kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ bất động sản trên địa bàn tỉnh; định kỳ báo cáo tháng, quý, 6 tháng, năm về Bộ Xây dựng để Bộ Xây dựng báo cáo theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

11. Về vật liệu xây dựng:

a) Tổ chức lập, thẩm định các quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng; quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường của tỉnh phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng quốc gia, quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng chủ yếu; quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Quản lý và tổ chức thực hiện các quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng; quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng quốc gia, quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng chủ yếu đã được phê duyệt trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn các hoạt động thăm định, đánh giá về: Công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng; công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng; chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng;

d) Tổ chức thẩm định các dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng theo phân cấp của Chính phủ và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, các quy định về an toàn, vệ sinh lao động trong các hoạt động: Khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng; sản xuất vật liệu xây dựng;

e) Hướng dẫn các quy định của pháp luật về kinh doanh vật liệu xây dựng đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Kiểm tra chất lượng các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được sản xuất, lưu thông và đưa vào sử dụng trong các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

h) Theo dõi, tổng hợp tình hình đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng, tình hình sản xuất vật liệu xây dựng của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

12. Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các tổ chức dịch vụ công trong các lĩnh vực quản lý của Sở; quản lý, chỉ đạo hoạt động và việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức sự nghiệp công lập trực thuộc Sở theo quy định của pháp luật.

13. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các hội, tổ chức phi chính phủ hoạt động trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ	Mã hiệu: BMT
	Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Lần ban hành 02
		Ngày ban hành: 20/10/2021

14. Thực hiện hợp tác quốc tế về các lĩnh vực quản lý của Sở theo quy định của pháp luật, sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

15. Xây dựng, chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường; xây dựng hệ thống thông tin, tư liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của Sở được giao theo quy định của pháp luật.

16. Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở đối với các Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân huyện.

17. Thanh tra, kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân trong việc thi hành pháp luật thuộc ngành Xây dựng, xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, thực hiện phòng chống tham nhũng, lãng phí trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật hoặc phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

18. Theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành Xây dựng theo quy định của Bộ Xây dựng và sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

19. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng, Thanh tra, các phòng chuyên môn nghiệp vụ và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở theo hướng dẫn chung của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

20. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, viên chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

21. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước được phân bổ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

22. Thực hiện các nhiệm vụ khác về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành Xây dựng theo sự phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật.

***. Cơ cấu tổ chức**

1. Lãnh đạo Sở:

a) Sở Xây dựng có Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc;

b) Giám đốc Sở là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở;

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ	Mã hiệu: BMT
	Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Lần ban hành 02
		Ngày ban hành: 20/10/2021

chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Trưởng Bộ Xây dựng; báo cáo trước Hội đồng nhân dân tỉnh, trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo yêu cầu;

c) Phó Giám đốc Sở là người giúp Giám đốc Sở phụ trách một hoặc một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở;

d) Việc bổ nhiệm Giám đốc Sở và Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ xây dựng ban hành và theo các quy định của pháp luật; việc miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với Giám đốc Sở và Phó Giám đốc Sở thực hiện theo quy định của pháp luật;

đ) Căn cứ quy định về phân cấp quản lý tổ chức cán bộ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Sở theo tiêu chuẩn chức danh do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

e) Giám đốc, Phó Giám đốc Sở không kiêm chức danh Trưởng đơn vị của đơn vị cấp dưới có tư cách pháp nhân.

2. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ:

- Văn phòng (bao gồm cả công tác pháp chế);
- Thanh tra Sở;
- Phòng Quy hoạch - kiến trúc;
- Phòng Phát triển đô thị;
- Phòng Hoạt động đầu tư xây dựng;
- Phòng Kinh tế - Vật liệu;
- Phòng Quản lý Nhà;

3. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở:

- a) Viện Quy hoạch xây dựng Ninh Bình.
- b) Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng Ninh Bình.

***. Các thành tích đạt được**

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình vì đã có nhiều thành tích đóng góp trong quá trình lập đồ án quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 12/8/2014;

- Bằng khen năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng theo Quyết định số 1577/QĐ-BXD ngày 30/12/2014;

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ	Mã hiệu: BMT
	Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Lần ban hành 02
		Ngày ban hành: 20/10/2021

- Bằng khen của Chủ tịch của UBND tỉnh Ninh Bình vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định 590/QĐ-UBND ngày 01/12/2015;

- Cờ thi đua năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng theo Quyết định số 19/QĐ-BXD ngày 16/01/2017;

- Cờ thi đua năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh theo Quyết định 50/QĐ-UBND ngày 12/01/2018;

- Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc theo Quyết định số 660/QĐ-TTg ngày 30/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ;

- Bằng khen năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh vì đã có thành tích xuất sắc trong việc tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động kỷ niệm 1050 năm Nhà nước Đại Cồ Việt (968-2018) theo Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 11/5/2018;

- Được tặng Bằng khen của chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình năm 2020 vì đã có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua của tỉnh giai đoạn 2015-2020 theo Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 22/9/2020.

5.2 Giới thiệu chung Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Điều khoản tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015	Tài liệu viện dẫn
1. PHẠM VI ÁP DỤNG	Sở Xây dựng bám sát tiêu chuẩn và mô hình khung HTQLCL của Bộ KH&CN để xác định phù hợp
2. TÀI LIỆU VIỆN DẪN	Sở Xây dựng bám sát các tài liệu viện dẫn có liên quan đến HTQLCL để áp dụng
3. THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA	Nghiên cứu và bám sát theo TCVN ISO 9000:2015
4. BỐI CẢNH CỦA TỔ CHỨC	
4.1. Hiểu tổ chức và bối cảnh của tổ chức:	Định kỳ (quý I hàng năm), Sở Xây dựng tập trung nhận diện bối cảnh hoạt động, bao gồm: chính sách và các văn bản pháp luật nhà nước hiện hành có liên quan, các vấn đề trong nội bộ như cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm quyền hạn, các điều kiện về nguồn lực, phương pháp trao đổi thông tin, những bất cập phát sinh ... tổ chức thành lập nhóm phân tích, tập trung xác định các rủi ro và cơ hội nhằm định hướng cho các hành động giải quyết rủi ro hoặc tận dụng các cơ hội khi có. Tài liệu liên quan: Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội (QT-02)
4.2. Hiểu nhu cầu và mong đợi của	Sở Xây dựng thường xuyên lưu tâm đến sự ảnh hưởng xuất phát từ nhu cầu và mong đợi của bên quan tâm bao gồm: Sự chỉ đạo

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ	Mã hiệu: BMT
	Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Lần ban hành 02
		Ngày ban hành: 20/10/2021

các bên quan tâm:	<p>của Bộ Xây dựng, UBND tỉnh, các cơ quan phối hợp, nhà cung ứng, nhà thầu phụ và tổ chức, công dân. Tập trung xem xét và nhận định các rủi ro, cơ hội và cũng đưa ra định hướng kịp thời cho các hành động giải quyết như mục 4.1 nêu trên.</p> <p>Tài liệu liên quan: Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội (QT-02)</p>
4.3. Xác định phạm vi của Hệ thống quản lý chất lượng	<p>Sở Xây dựng bám sát Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ để xác định phạm vi áp dụng, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập trung xây dựng và áp dụng HTQLCL đối với các hoạt động liên quan đến thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo các quyết định hiện hành của UBND thành phố. - Bảo đảm sự tham gia của lãnh đạo, các bộ phận và cá nhân có liên quan trong quá trình xây dựng và áp dụng HTQLCL. - Các hoạt động nội bộ, hoạt động khác của Sở Xây dựng nếu xét thấy cần thiết để nâng cao hiệu quả công tác như: quản lý văn bản đi đến, tạm ứng thanh toán nội bộ, nghỉ phép nghỉ việc riêng, xử lý sự cố công nghệ thông tin
4.4. Hệ thống quản lý chất lượng và các quá trình của hệ thống	<p>Hệ thống quản lý chất lượng là một phần trong hệ thống quản lý chung của Sở Xây dựng. Xuất phát từ thực tiễn hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, các quy định của văn bản pháp luật, các chương trình cải cách hành chính như cơ chế một cửa, một cửa liên thông, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3-4, ứng dụng CNTT trong xử lý văn bản, Sở Xây dựng tập trung hệ thống hóa, lồng ghép và sử dụng cùng một cấu trúc về các yêu cầu như đã nêu trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 để điều hành.</p> <p>Sở Xây dựng tập trung tiếp cận hệ thống theo quá trình bằng cách nhận biết và quản lý từng quá trình cụ thể, từ đó sẽ giảm thiểu được các kết quả đầu ra không phù hợp tiềm ẩn được phát hiện trong các quá trình cuối cùng hoặc sau khi chuyển giao.</p> <p>Sở Xây dựng xác định và thiết lập các thủ tục, quy trình chuẩn (thông tin dạng văn bản) để hỗ trợ việc thực hiện các quá trình. Thường xuyên duy trì và cập nhật hệ thống thủ tục, quy trình khi có sự thay đổi của văn bản pháp luật, TTHC (tối đa sau 90 ngày có hiệu lực) theo quy định của Quyết định 19/2014/QĐ-TTg.</p> <p>Tài liệu liên quan: PL.01 Sơ đồ tương tác các quá trình Hệ thống quản lý chất lượng.</p>
5. SỰ LÃNH ĐẠO	
5.1. Sự lãnh đạo và cam kết	<p>*. Lãnh đạo Sở Xây dựng nhận định rõ vai trò, hiệu quả và lợi ích của hệ thống, do vậy quan tâm chỉ đạo và luôn cam kết:</p>

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ	Mã hiệu: BMT
	Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Lần ban hành 02
		Ngày ban hành: 20/10/2021

	<p>- Xây dựng, duy trì, áp dụng và cải tiến thường xuyên hiệu quả, hiệu lực hệ thống quản lý chất lượng trong hoạt động của Sở Xây dựng.</p> <p>- Quán triệt và chỉ đạo quyết liệt đối với trách nhiệm của lãnh đạo các bộ phận và CBCC tại vị trí công tác.</p> <p>- Thường xuyên tổ chức các cuộc họp riêng về Hệ thống hoặc kết hợp với họp giao ban, đột xuất để nghe báo cáo kết quả thực hiện hệ thống từ các phòng chuyên môn.</p> <p>- Đảm bảo các cam kết Chính sách chất lượng và Mục tiêu chất lượng được thiết lập và phù hợp với định hướng chiến lược và bối cảnh qua từng giai đoạn của Sở Xây dựng.</p> <p>- Xem xét và xử lý trách nhiệm của những CBCC không tuân thủ và áp dụng hệ thống.</p> <p>*. Hướng vào tổ chức, cá nhân</p> <p>Với phương châm “Tận tụy, trách nhiệm, hiệu quả”, tập thể lãnh đạo, CBCC Sở Xây dựng luôn định hướng và nâng cao sự thỏa mãn của tổ chức, cá nhân. Điều này được thực hiện bằng cách tổ chức bài bản, chặt chẽ các điều kiện tiếp dân qua bộ phận 01 cửa. Tuân thủ chặt chẽ Nghị định 61/2018/NĐ-CP và Thông tư 01/2018/TT-VPCP về cơ chế một cửa, một cửa liên thông.</p>
5.2. Chính sách	<p>Chính sách chất lượng được tập thể lãnh đạo Sở Xây dựng nghiên cứu, xây dựng theo hướng cam kết về đường lối, phương hướng hoạt động và tinh thần trách nhiệm của CBCC, được công bố nhằm tạo niềm tin cho tổ chức/cá nhân, các cơ quan hữu quan và kêu gọi CBCC bám sát thực thi, cụ thể:</p> <p>+ Làm bảng hiệu lớn treo tại bộ phận một cửa của Sở Xây dựng</p> <p>+ Tổ chức phổ biến thấu hiểu đến CBCC</p> <p>Vào những giai đoạn cần thiết, sẽ điều chỉnh, cải tiến và cập nhật lại.</p> <p>Tài liệu liên quan: <i>Chính sách chất lượng (CSCL)</i></p>
5.3. Vai trò, trách nhiệm và quyền hạn trong tổ chức	<p>Lãnh đạo Sở Xây dựng phân công các trách nhiệm và quyền hạn cho tất cả các vị trí liên quan. Các trách nhiệm và quyền hạn này được phổ biến thông qua các cuộc họp, phân công nhiệm vụ qua các văn bản quy định hoặc mô tả các vị trí công việc</p> <p>Lãnh đạo Sở Xây dựng xác định các trách nhiệm và quyền hạn nhằm:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đảm bảo rằng hệ thống quản lý phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành;

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ	Mã hiệu: BMT
	Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Lần ban hành 02
		Ngày ban hành: 20/10/2021

	<ol style="list-style-type: none"> 2. Đảm bảo rằng các quá trình đạt được các đầu ra dự kiến; 3. Báo cáo về kết quả thực hiện của hệ thống quản lý; 4. Cung cấp các cơ hội để cải tiến hệ thống quản lý; 5. Đảm bảo sự hướng vào tổ chức/cá nhân trong toàn bộ cơ quan; 6. Đảm bảo tính toàn vẹn của hệ thống quản lý khi có sự thay đổi đối với hệ thống quản lý được hoạch định và thực hiện.
6. HOẠCH ĐỊNH	
6.1. Hành động giải quyết rủi ro và cơ hội	<p>Từ kết quả phân tích rủi ro và cơ hội tại điều 4.1 và 4.2 (định kỳ theo năm), Sở Xây dựng lập Kế hoạch giải quyết rủi ro và cơ hội đảm bảo chặt chẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Biện pháp thực hiện + Trách nhiệm thực hiện + Thời gian hoàn thành + Kết quả dự kiến đạt được <p>Kế hoạch được phổ biến, quán triệt đến từng bộ phận, cá nhân bám sát để tổ chức thực hiện. Định kỳ, Quý IV hàng năm, Ban chỉ đạo ISO thực hiện đánh giá hiệu lực giải quyết rủi ro và cơ hội theo kế hoạch đã ban hành.</p> <p>Tài liệu liên quan: Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội (QT-02)</p>
6.2. Mục tiêu chất lượng và hoạch định để đạt được mục tiêu	<p>Nhằm cải tiến liên tục hiệu lực và hiệu quả của HTQLCL, lãnh đạo Sở Xây dựng xác định và thiết lập mục tiêu chất lượng chung của Sở và chỉ đạo các phòng chuyên môn thiết lập mục tiêu riêng của phòng mình, đảm bảo rằng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhất quán với Chính sách chất lượng; - Đo lường được; - Được truyền đạt, theo dõi, cập nhật khi thích hợp; - Duy trì thông tin dạng văn bản về mục tiêu chất lượng. <p>Định kỳ (năm/lần), các bộ phận tổng hợp, đánh giá kết quả theo báo cáo mục tiêu chất lượng theo phụ lục 03/BMT</p>
6.3. Hoạch định thay đổi	<p>Khi thấy phải có sự thay đổi về phạm vi áp dụng hệ thống, lĩnh vực hoạt động, văn bản pháp luật nhà nước, cơ cấu tổ chức, thẩm quyền trách nhiệm có tác động đáng kể đối với hệ thống quản lý chất lượng, các phòng chuyên môn báo cáo Ban chỉ đạo ISO</p>

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ	Mã hiệu: BMT
	Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Lần ban hành 02
		Ngày ban hành: 20/10/2021

	<p>thông qua phiếu đề nghị sửa đổi tài liệu (quy định tại QT-01) để xem xét và hoạch định kịp thời nhằm cập nhật, điều chỉnh những sự thay đổi trong hệ thống quản lý chất lượng.</p> <p>Tài liệu liên quan: Quy trình kiểm soát thông tin lập thành văn bản (tài liệu, hồ sơ) QT-01</p>
7. HỖ TRỢ	
7.1. Nguồn lực	
7.1.1. Khái quát	<p>Sở Xây dựng xác định và cung cấp các nguồn lực cần thiết bao gồm (nhân lực, vật lực và tài lực) với mục đích:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thực hiện, duy trì và cải tiến liên tục hiệu lực của HTQLCL. 2. Nâng cao sự thỏa mãn tổ chức/cá nhân bằng cách đáp ứng các yêu cầu. <p>Thực hiện việc phân bổ nguồn lực có xem xét đến năng lực và hạn chế của các nguồn lực hiện tại.</p> <p>Các nguồn lực và phân bổ nguồn lực sẽ được đánh giá trong quá trình xem xét của Lãnh đạo.</p>
7.1.2. Con người	<p>Lãnh đạo Sở Xây dựng đảm bảo cung cấp đầy đủ nhân lực cho việc vận hành hiệu quả các HTQLCL cũng như các quá trình được nhận diện. CBCC được phân công giải quyết TTHC đều đủ năng lực trên cơ sở giáo dục, đào tạo, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp.</p> <p>Việc đào tạo và trao đổi thông tin sau đó sẽ được thực hiện nhằm đảm bảo rằng các nhân sự đều nhận thức được:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Chính sách chất lượng; b) Các mục tiêu chất lượng liên quan; c) Sự đóng góp của họ đối với hiệu lực của HTQLCL, bao gồm các lợi ích cho việc thực hiện cải tiến; d) Hậu quả của việc không tuân thủ các yêu cầu của HTQLCL.
7.1.3. Cơ sở hạ tầng	<p>Văn phòng Sở có trách nhiệm tham mưu lãnh đạo nhằm đảm bảo các điều kiện cơ sở hạ tầng phù hợp trong từng phòng chuyên môn, hội trường, phòng họp, bộ phận 01 cửa theo đúng các quy định và đảm bảo các điều kiện cần và đủ phục vụ tốt công việc.</p> <p>Các thiết bị văn phòng, CNTT, IT được quan tâm bảo trì, sửa chữa nhằm đảm bảo năng lực phù hợp trong quá trình tổ chức công việc và giải quyết TTHC.</p>
7.1.4. Môi trường	Sở Xây dựng đảm bảo duy trì môi trường làm việc khoa học,

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ	Mã hiệu: BMT
	Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Lần ban hành 02
		Ngày ban hành: 20/10/2021

cho việc thực hiện các quá trình	chuyên môn hóa cao tại tất cả các phòng chuyên môn. Thực hiện chuẩn mực kỷ cương hành chính và văn hóa công sở tại các vị trí công tác
7.1.5. Nguồn lực theo dõi và đo lường	<p>Kết quả của dịch vụ hành chính là các văn bản hành chính được CBCC tham mưu chặt chẽ theo chuyên môn nghiệp vụ, Sở Xây dựng đảm bảo các kết quả này luôn đúng và đáng tin cậy phù hợp với các yêu cầu của pháp luật và yêu cầu của tổ chức/cá nhân, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân công những CBCC có năng lực để trực tại bộ phận 01 cửa để kiểm tra, tiếp nhận, xem xét tính đầy đủ và hợp lệ của các hồ sơ, yêu cầu đầu vào. - Kiểm soát chặt chẽ kết quả giải quyết TTHC hành chính trước khi phê duyệt và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân. <p>Ghi chú: Sở Xây dựng không sử dụng các thiết bị đo lường nên hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn là không có.</p>
7.1.6. Tri thức của tổ chức	<p>Sở Xây dựng cũng xác định các tri thức cần thiết cho việc vận hành các quá trình và đạt được sự phù hợp của dịch vụ. Tri thức được xác định bao gồm các kiến thức và thông tin có được từ:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Các nguồn lực nội bộ, như các bài học, các kiến thức từ các chuyên gia, và / hoặc các tài sản trí tuệ. b) Các nguồn lực bên ngoài như các tiêu chuẩn, giới học giả, các hội thảo, và / hoặc các thông tin thu thập được từ các bên liên quan. <p>Các tri thức này sẽ được phổ cập và chia sẻ rộng rãi nhằm nâng cao nhận thức, trình độ, năng lực CBCC như thao tác và sử dụng các phần mềm CNTT, thể thức trình bày văn bản theo Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 5/3/2020 của Chính phủ</p>
7.2. Năng lực	<p>Sở Xây dựng đảm bảo rằng những người làm việc dưới sự kiểm soát của mình mà có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động và hiệu lực của HTQLCL sẽ có đầy đủ năng lực, kinh nghiệm cần thiết.</p> <p>Để thực hiện được điều này Sở sẽ:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phân công những CBCC năng lực và kinh nghiệm phù hợp với yêu cầu của của công việc. 2. Thực hiện các hoạt động tập huấn, đào tạo khi có nhu cầu. 3. Tiến hành đánh giá hiệu lực của các hoạt động nhằm nâng cao năng lực của CBCC. 4. Lưu giữ thông tin dạng văn bản để chứng minh cho

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ	Mã hiệu: BMT
	Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Lần ban hành 02
		Ngày ban hành: 20/10/2021

	năng lực của CBCC.
7.3. Nhận thức	<p>Sở Xây dựng đảm bảo rằng CBCC sẽ được quán triệt và nhận thức rõ:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chính sách chất lượng. 2. Các mục tiêu chất lượng liên quan. 3. Sự đóng góp của họ vào hiệu lực của HTQLCL, bao gồm cả các lợi ích của việc cải tiến kết quả hoạt động. <p>Để thực hiện điều này Sở tập trung:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Niêm yết và phổ biến chính sách chất lượng. 2. Công bố mục tiêu chất lượng và phổ biến kế hoạch thực hiện. 3. Thực hiện các khóa tập huấn về TCVN ISO 9001:2015 và HTQLCL. 4. Đánh giá mức độ thông qua các cuộc thi tìm hiểu hoặc họp giao ban, họp đột xuất
7.4. Trao đổi thông tin	<p>Sở Xây dựng đảm bảo việc trao đổi thông tin liên quan đến hiệu lực của Hệ thống quản lý chất lượng được thực hiện. Các phương thức trao đổi thông tin bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tiếp dân, phân loại và xử lý đơn thư + Tổ chức các cuộc họp (định kỳ, theo kế hoạch hoặc đột xuất) để thảo luận các vấn đề của Hệ thống quản lý chất lượng. + Tổ chức họp thảo luận và tham vấn với các CBCC + Thông qua các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất + Sử dụng các phương tiện truyền thông như email, điện thoại, văn bản + ... và nhiều phương thức khác
7.5. Thông tin dạng văn bản	<p>Thông tin dạng văn bản của Hệ thống quản lý chất lượng bao gồm cả (tài liệu, hồ sơ và dữ liệu):</p> <p>Tài liệu: được Sở Xây dựng tập trung từ việc tham mưu trình bày văn bản hành chính đảm bảo về nội dung và thể thức theo quy định tại các phòng chuyên môn. Thực hiện phân loại, sắp xếp khoa học tài liệu bên ngoài (gồm văn bản pháp luật hiện hành, các tài liệu tham khảo), thiết lập danh mục để tổng hợp và chỉ dẫn tra cứu, sử dụng. Thống nhất việc xây dựng, ban hành, cấp phát, sửa đổi tài liệu hệ thống quản lý chất lượng. Tổ chức quản lý chặt chẽ tài liệu vào ra Sở (công văn đi, công văn đến).</p>

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ	Mã hiệu: BMT
	Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Lần ban hành 02
		Ngày ban hành: 20/10/2021

	<p>Hồ sơ: Các phòng chuyên môn tập trung sắp xếp khoa học, trực quan từ việc đánh mã số tủ, ngăn ô tủ lưu, đánh tên thống nhất cho các cặp, file, cặp ba dây, túi cài chứa đựng hồ sơ và lập danh mục chỉ dẫn hồ sơ.</p> <p>Dữ liệu: Thực hiện lưu trữ khoa học các hồ sơ dạng file số, thống nhất đường dẫn, phân chia thư mục, sắp xếp ngăn thư mục.. đảm bảo khoa học, lưu trữ dữ liệu dễ tìm, dễ tra cứu.</p> <p>Tài liệu liên quan: <i>Quy trình kiểm soát thông tin lập thành văn bản (tài liệu, hồ sơ) QT-01</i></p>
--	--

8. THỰC HIỆN

8.1. Hoạch định và kiểm soát việc thực hiện	<p>Sở Xây dựng thường xuyên hoạch định và xây dựng các quá trình cần thiết cho việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước và cung cấp các dịch vụ hành chính công. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng chuẩn các quy trình giải quyết TTHC hoặc nội bộ cần thiết khác để lập kế hoạch cho việc thực hiện. + Áp dụng các biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP và Thông tư 01/2018/TT-VPCP để kiểm soát. + Tuân thủ chặt chẽ các phần mềm theo quy định của UBND thành phố để cập nhật và kiểm soát. <p>Tài liệu liên quan: <i>Các quy trình giải quyết TTHC thuộc các lĩnh vực theo danh mục tài liệu HTQLCL BM-01-01 (QT-01)</i></p>
--	--

8.2. Yêu cầu đối với sản phẩm và dịch vụ

8.2.1. Trao đổi thông tin với tổ chức/cá nhân	<p>Sở Xây dựng thực hiện việc trao đổi thông tin một cách hiệu quả với tổ chức/cá nhân bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cung cấp các thông tin liên quan đến dịch vụ hành chính công (thông qua việc niêm yết đầy đủ các TTHC theo quyết định hiện hành tại bộ phận 01 cửa) 2. Xử lý các yêu cầu của các tổ chức, cá nhân bao gồm cả những yêu cầu thay đổi; 3. Tiếp nhận các phản hồi liên quan đến dịch vụ, bao gồm cả các khiếu nại; 4. Xử lý hoặc kiểm soát các tài sản (hồ sơ gốc tổ chức, cá nhân nộp vào Sở).
8.2.2. Xác định các yêu cầu đối	<p>Trong quá trình thực hiện các dịch vụ hành chính công, Sở Xây dựng sẽ nắm bắt:</p>

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ	Mã hiệu: BMT
	Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Lần ban hành 02
		Ngày ban hành: 20/10/2021

với sản phẩm và dịch vụ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các yêu cầu cụ thể của TTHC 2. Các yêu cầu chưa được tuyên bố nhưng cần thiết cho sử dụng cụ thể hoặc có ý định sử dụng như bìa kẹp hoặc túi cài đê lưu trữ, bảo quản hồ sơ của công dân. 3. Các yêu cầu luật định và chế định liên quan đến dịch vụ; 4. Các yêu cầu khác mà Sở tự xác định ở những thời điểm khác nhau.
8.2.3. Xem xét các yêu cầu đối với sản phẩm và dịch vụ	<p>Khi các yêu cầu được xác định, Sở Xây dựng sẽ xem xét các yêu cầu này trước khi cam kết cung cấp dịch vụ. Việc xem xét này nhằm đảm bảo rằng:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các yêu cầu giải quyết TTHC được xác định hợp lệ so với các quy định hiện hành; 2. Sở Xây dựng có đủ khả năng đáp ứng các yêu cầu đã xác định hoặc các khiếu nại đối với TTHC mà Sở đã cung cấp; 3. Các rủi ro đã được xác định và xem xét.
8.2.4. Thay đổi yêu cầu đối với sản phẩm và dịch vụ	<p>Những trường hợp khi có sự thay đổi (do lý do khách quan, do quy định luật pháp hoặc do chính yêu cầu của tổ chức/cá nhân), Sở Xây dựng sẽ có văn bản đề thông tin, được chấp thuận về những sự thay đổi đó nhằm thông báo kịp thời đến tổ chức/cá nhân, các bên liên quan và có phương án giải quyết tốt nhất</p>
8.3. Thiết kế và phát triển sản phẩm và dịch vụ	<p>Sở Xây dựng không áp dụng điều này với lý do: Là cơ quan quản lý nhà nước, thực hiện theo các quy định của văn bản pháp luật hiện hành; nên không thực hiện việc thiết kế - phát triển.</p>
8.4. Kiểm soát quá trình, sản phẩm, dịch vụ do bên ngoài cung cấp	<p>Khi có sử dụng các sản phẩm, dịch vụ do các nhà thầu cung cấp như: mua sắm thiết bị văn phòng, tài sản công, các dịch vụ tư vấn, viết các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin ... Sở tập trung kiểm soát từ thông tin của nhà cung cấp bên ngoài như tư cách pháp nhân, năng lực, uy tín ... thực hiện các hoạt động đánh giá và lựa chọn cẩn thận nhằm đảm bảo các sản phẩm, dịch vụ được cung cấp có chất lượng phục vụ tốt cho các hoạt động quản lý nhà nước và giải quyết TTHC</p>
8.5. Sản xuất và cung cấp dịch vụ	
8.5.1. Kiểm soát sản xuất và cung cấp dịch vụ	<p>Nhằm kiểm soát việc giải quyết TTHC, Sở Xây dựng đảm bảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tính sẵn có của các tài liệu hoặc hồ sơ để xác định các đặc tính của TTHC cũng như các kết quả đạt được;

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ	Mã hiệu: BMT
	Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Lần ban hành 02
		Ngày ban hành: 20/10/2021

	<p>2. Tính sẵn có và việc sử dụng các nguồn lực giám sát và đo lường phù hợp;</p> <p>3. Thực hiện việc các hoạt động giám sát và đo lường;</p> <p>4. Việc sử dụng cơ sở hạ tầng và môi trường phù hợp;</p> <p>5. Việc chỉ định những CBCC có năng lực;</p> <p>6. Việc thực hiện các hành động nhằm ngăn ngừa các sai lỗi của CBCC;</p> <p>7. Thực hiện các hoạt động thông qua, chuyển giao và sau khi chuyển giao kết quả.</p> <p>Các phương thức kiểm soát được thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông hoặc các phần mềm CNTT</p> <p>Tài liệu liên quan: Phụ lục 02/BMT Biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông (Theo thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ: Hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính)</p>
8.5.2. Nhận biết và truy xuất nguồn gốc	Sở Xây dựng đảm bảo các hồ sơ sau giải quyết được tổ chức lưu trữ khoa học tại các phòng chuyên môn, đánh danh mục, tên gọi, mã số, nhãn hiệu ... nhằm tăng cường nhận biết và tìm kiếm, sử dụng khi cần thiết.
8.5.3. Tài sản của tổ chức/cá nhân	Trong quá trình tiếp nhận và xử lý các văn bản/hồ sơ của các tổ chức/cá nhân, Sở Xây dựng đảm bảo nhận biết, lưu giữ, bảo quản, bảo mật các thông tin trong văn bản/hồ sơ của tổ chức/cá nhân cung cấp. Nếu xảy ra trường hợp hồ sơ bị mất, bị hư hỏng thì Sở Xây dựng sẽ có thông báo cho tổ chức/cá nhân được biết và có cách khắc phục, đồng thời lập và lưu hồ sơ về các trường hợp xảy ra.
8.5.4. Bảo toàn	Sở Xây dựng từng bước trang bị các phương tiện lưu trữ như tủ, các thùng tôn, hòm, hộp ... nhằm bảo vệ, lưu trữ các kết quả giải quyết công việc, giải quyết TTHC không bị rách rời, hoặc mối xông, gián nhấm, bảo toàn lịch sử quản lý nhà nước tại địa phương.
8.5.5. Hoạt động sau giao hàng	<p>Các kết quả giải quyết TTHC không phù hợp về chất lượng, tiến độ dẫn đến khiếu nại của tổ chức/cá nhân thì Sở Xây dựng có trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khắc phục hậu quả. - Tiến hành điều tra nguyên nhân và thực hiện hành động khắc phục và trao đổi thông tin liên quan đến tổ chức/cá nhân.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ	Mã hiệu: BMT
	Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Lần ban hành 02
		Ngày ban hành: 20/10/2021

	<p>nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở phiếu xin lỗi tổ chức/cá nhân theo quy định tại Thông tư 01/2018/TT-VPCP.
8.5.6. Kiểm soát thay đổi	Sở Xây dựng xem xét và kiểm soát các thay đổi có kế hoạch hoặc đột xuất đối với các quá trình ở mức độ cần thiết nhằm đảm bảo sự phù hợp liên tục với tất cả các quá trình. Những sự thay đổi tác động vào quy trình xử lý sẽ được hiệu chỉnh và cập nhật kịp thời.
8.6. Thông qua sản phẩm và dịch vụ	<p>Sau hoàn thành giải quyết công việc hoặc TTHC, lãnh đạo, CBCC tập trung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính đầy đủ của các thành phần hồ sơ mà tổ chức/cá nhân nộp. - Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tại các vị trí chuyên môn. - Thẩm định thể thức văn bản và nội dung văn bản đối với các kết quả của thủ tục hành chính trước khi được phê duyệt và chuyển giao cho tổ chức/cá nhân.
8.7. Kiểm soát đầu ra không phù hợp	<p>Khi phát sinh những công việc đầu ra không phù hợp như chậm thời gian, tiến độ giải quyết, sai lệch so với quy định văn bản pháp luật, nhầm lẫn hoặc thiếu sót các thông tin của tổ chức/cá nhân hoặc làm mất mát, thất thoát, không nguyên trạng hồ sơ gốc ... đều được các phòng chuyên môn cập nhật Sở theo dõi sự không phù hợp và mở phiếu yêu cầu xử lý, rút kinh nghiệm kịp thời.</p> <p>Tài liệu liên quan: Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục (QT-04)</p>
9. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN	
9.1. Theo dõi, đo lường, phân tích và đánh giá	
9.1.1. Khái quát	<p>Sở Xây dựng sử dụng HTQLCL nhằm cải tiến các quá trình, những hoạt động cải tiến này nhằm xử lý các nhu cầu và mong đợi của tổ chức/cá nhân cũng như các bên quan tâm khác, ở mức độ có thể.</p> <p>Hoạt động cải tiến sẽ được thực hiện sau khi phân tích các số liệu liên quan đến:</p> <p>Các kết quả phân tích sẽ được sử dụng để đánh giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sự phù hợp của các hoạt động quản lý nhà nước và dịch vụ hành chính công; 2. Mức độ hài lòng của tổ chức/cá nhân;

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ	Mã hiệu: BMT
	Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Lần ban hành 02
		Ngày ban hành: 20/10/2021

	<ol style="list-style-type: none"> 3. Kết quả thực hiện và hiệu quả của HTQLCL; 4. Hiệu quả của công tác hoạch định; 5. Hiệu quả của các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội; 6. Kết quả thực hiện của các nhà cung cấp bên ngoài; 7. Các chương trình cải tiến HTQLCL.
9.1.2. Sự thỏa mãn của tổ chức/cá nhân	<p>Là một trong các biện pháp đo lường hiệu quả hoạt động của HTQLCL, Sở thực hiện kiểm soát các thông tin liên quan đến cảm nhận của tổ chức/cá nhân để đánh giá xem Sở có đáp ứng được các yêu cầu của tổ chức/cá nhân không.</p> <p>Sở Xây dựng giao cán bộ trực 01 của tổ chức nội dung này thông qua phát hành phiếu thăm dò ý kiến (theo mẫu quy định của UBND thành phố), tổ chức tổng hợp báo cáo định kỳ về lãnh đạo Sở Xây dựng.</p>
9.2. Đánh giá nội bộ	<p>Quý IV của năm trước hoặc Quý I của năm, thư ký ban chỉ đạo ISO tham mưu lập Kế hoạch đánh giá nội bộ, thành lập đoàn đánh giá và thông báo chương trình đánh giá chi tiết đến các phòng chuyên môn. Đoàn đánh giá thực hiện nguyên tắc kiểm tra chéo lẫn nhau, đối chiếu và so sánh giữa quy định và kết quả thực hiện, tập trung chỉ dẫn những sự không phù hợp tồn tại. Các phòng chuyên môn tiếp nhận sự chỉ dẫn, đưa ra các hành động khắc phục, cải tiến kịp thời</p> <p>Tài liệu liên quan: Quy trình đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng (QT-03)</p>
9.3. Xem xét của lãnh đạo	<p>Sau khi có kết quả đánh giá nội bộ, lãnh đạo Sở Xây dựng tổ chức xem xét HTQLCL. Tập trung xem xét tính hiệu quả, hiệu lực hệ thống quản lý, những bất cập tồn tại, các đề xuất cải tiến... đưa ra các kết luận chỉ đạo kịp thời.</p>
10. CẢI TIẾN	
10.1. Khái quát	<p>Sở Xây dựng phải luôn xác định, lựa chọn cơ hội cải tiến các quá trình; điều chỉnh, ngăn chặn hoặc giảm những tác động không mong muốn trong mỗi quá trình có liên quan đến việc thiết lập, áp dụng và duy trì, và cải tiến HTQLCL.</p>
10.2 Sự không phù hợp và hành động khắc phục	<p>Khi một sự không phù hợp xảy ra liên quan đến quá trình hay nội dung trách nhiệm nào đó, các bộ phận liên quan phải:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận biết, có hành động để kiểm soát, xử lý hiện tượng của sự không phù hợp đó theo quy định, xem xét những hậu quả liên quan có thể để xử lý hậu quả đó. 2. Bộ phận phát hiện phải đánh giá liệu có cần phải phân

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ	Mã hiệu: BMT
	Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Lần ban hành 02
		Ngày ban hành: 20/10/2021

	<p>tích nguyên nhân, tiến hành các hành động để loại trừ các nguyên nhân của sự không phù hợp này nhằm không để nó tái diễn hay xảy ra ở những nơi khác. Nếu thấy cần sẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo, lập phiếu yêu cầu xem xét và phân tích sự không phù hợp. - Xác định nguyên nhân của sự không phù hợp. - Xác định nếu sự không phù hợp tương tự tồn tại, hoặc có khả năng có thể xảy ra; - Thực hiện bất kỳ hành động cần thiết; - Đánh giá kết quả của bất kỳ hành động khắc phục đã thực hiện; - Cập nhật nguyên nhân này như là một mối rủi ro trong quá trình lập kế hoạch (nếu cần thiết); - Thực hiện thay đổi đối với HTQLCL, nếu cần thiết. - Hành động khắc phục phải thích hợp với tác động của các sự không phù hợp đã xảy ra. <p>Tài liệu liên quan: Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục (QT-04)</p>
10.3. Cải tiến liên tục	<p>Sở Xây dựng thường xuyên nâng cao hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng thông qua việc sử dụng Chính sách chất lượng, Mục tiêu chất lượng, kết quả đánh giá, phân tích dữ liệu, các hành động khắc phục và kết quả cuộc họp xem xét của lãnh đạo.</p> <p>Tài liệu liên quan:</p> <p><i>Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội (QT-02)</i></p> <p><i>Quy trình đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng (QT-03)</i></p> <p><i>Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục (QT-04)</i></p>

6. BIỂU MẪU

TT	Ký hiệu biểu mẫu	Tên biểu mẫu
1	PL 01	Sơ đồ tương tác các quá trình Hệ thống quản lý chất lượng
2	PL 02	Biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông
3	PL 03	Phiếu góp ý kiến
4	PL 04	Báo cáo mục tiêu chất lượng

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH	BẢN MÔ TẢ Mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu:	BMT
		Lần ban hành	02
		Ngày ban hành:	20/10/2021

7. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Tên hồ sơ	Trách nhiệm	Thời gian lưu
1	Biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và phiếu góp ý kiến	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Theo quy định hiện hành
2	Báo cáo mục tiêu chất lượng	Thư ký ban chỉ đạo ISO	3 năm

Sơ đồ tương tác các trình Hệ thống quản lý chất lượng của Sở theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015

Bối cảnh hoạt động của Sở

Yêu cầu của tổ chức/cá nhân

Nhu cầu, mong đợi bên quan tâm

ĐẦU VÀO

QUÁ TRÌNH XỬ LÝ VĂN BẢN/HỒ SƠ

ĐẦU RA

Đánh giá nội bộ (QT 03), họp xem xét của Lãnh đạo

- Nguồn nhân lực:
- Hồ sơ, yêu cầu đầu vào
- Phương pháp: Văn bản pháp quy, quy định, hướng dẫn
- Máy móc thiết bị: Máy tính, mạng, phần mềm
- Cơ sở hạ tầng, môi trường làm việc

Lưu trữ TTVB (tài liệu, hồ sơ) QT 01

Quá trình thực hiện công việc

- Quy trình phòng KTVL
- Quy trình phòng OLN
- Quy trình phòng OHKT
- Quy trình phòng HĐĐT XD
- Quy trình phòng PTĐT
- Quy trình Thanh tra Sở
- Quy trình Văn phòng Sở

Phê duyệt

Xử lý vấn đề không phù hợp (QT 04)

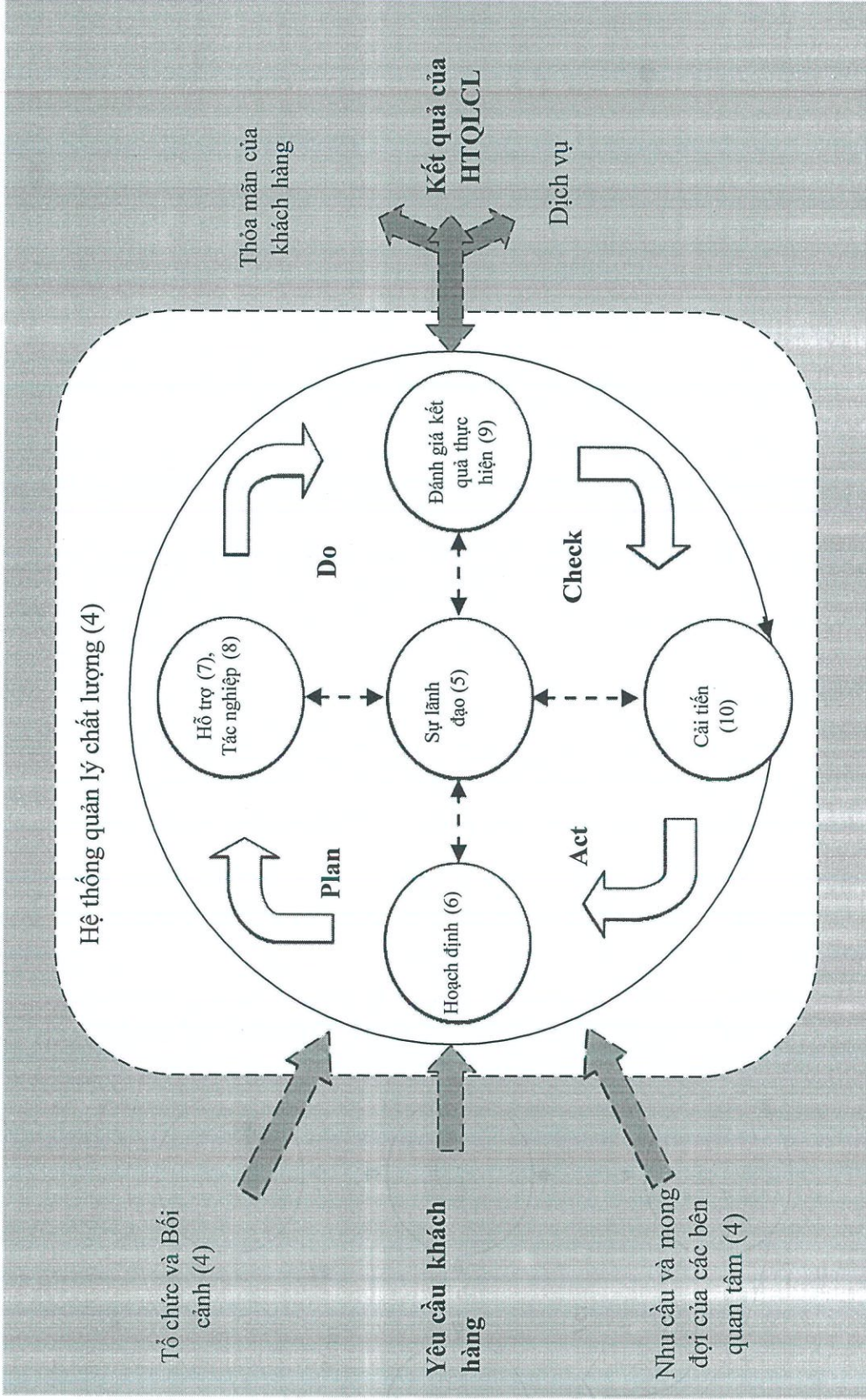
Hành động khắc phục (QT 04)

Phân tích dữ liệu

Phân phối quyết định/ kết quả cho tổ chức/cá nhân

Sự thỏa mãn của tổ chức/cá nhân

Cải tiến



PHỤ LỤC II**CÁC BIỂU MẪU THEO DÕI GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

(Kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)

Chữ ký số của Tổ chức (nếu là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 01

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ
**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN
TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày tháng năm

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ**Mã hồ sơ:.....**

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp gồm:

1.....

2.....

3.....

Số lượng hồ sơ:.....(bộ)

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là:ngày

Thời gian nhận hồ sơ:giờ.... phút, ngày ... tháng ...năm....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ:... giờ..., phút, ngày ... tháng....năm....

Đăng ký nhận kết quả tại:

Vào Sổ theo dõi hồ sơ, Quyền số:.....Số thứ tự.....

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú:

- Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyên kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa;

- Tổ chức, cá nhân có thể đăng ký nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa hoặc tại nhà (trụ sở tổ chức) qua dịch vụ bưu chính.

Chữ ký số của Tổ chức (nếu là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 02

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN
TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../HDHS

....., ngày tháng năm

PHIẾU YÊU CẦU BỔ SUNG, HOÀN THIỆN HỒ SƠ

Hồ sơ của:.....

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Địa chỉ:

Số điện thoại.....Email:.....

Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ gồm những nội dung sau:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

.....

Lý do:

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, Ông/Bà liên hệ với số điện thoại để được hướng dẫn./.

NGƯỜI HƯỚNG DẪN

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của Người hướng dẫn nếu là biểu mẫu điện tử)

Chữ ký số của Tổ chức (nếu là biểu
mẫu điện tử)

Mẫu số 03

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN
TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày tháng năm

PHIẾU TỪ CHỐI TIẾP NHẬN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.....

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:.....

Nội dung yêu cầu giải quyết:.....

Qua xem xét, Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thông báo không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ này với lý do cụ thể như sau:

.....
.....
.....

Xin thông báo cho Ông/Bà được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)
(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu
mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Phiếu được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

Chữ ký số của Tổ chức (nếu là biểu
mẫu điện tử)

Mẫu số 04

TÊN BỘ, NGÀNH/CẤP TỈNH/
CẤP HUYỆN
TÊN CƠ QUAN ĐƠN VỊ/
CẤP XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../PXL-

....., ngày tháng năm

PHIẾU XIN LỖI VÀ HẸN LẠI NGÀY TRẢ KẾT QUẢ

Kính gửi:.....

Ngày...tháng...năm ..., (tên cơ quan, đơn vị) tiếp nhận giải quyết hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính (tên thủ tục hành chính) của Ông/Bà/Tổ chức; mã số:

Thời gian hẹn trả kết quả giải quyết hồ sơ:giờ..., ngày....tháng...năm...

Tuy nhiên đến nay, (tên cơ quan, đơn vị) chưa trả kết quả giải quyết hồ sơ của Ông/Bà/Tổ chức đúng thời hạn quy định ghi trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả/Biên nhận hồ sơ. Lý do:...

Sự chậm trễ này đã gây phiền hà, tốn kém chi phí, công sức của Ông/Bà/Tổ chức.

(tên cơ quan, đơn vị) xin lỗi Ông/Bà/Tổ chức và sẽ trả kết quả giải quyết hồ sơ cho Ông/Bà/Tổ chức vào ngày tháng ... năm

Mong nhận được sự thông cảm của Ông/Bà/Tổ chức vì sự chậm trễ này./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nếu là biểu mẫu điện tử)

Chữ ký số của Tổ chức (nếu là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 05

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,
 NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ
**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH
 CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN
 TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày tháng năm

PHIẾU KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

Mã số hồ sơ:

Cơ quan (bộ phận) giải quyết hồ sơ:

Cơ quan phối hợp giải quyết hồ sơ:

TÊN CƠ QUAN	THỜI GIAN GIAO, NHẬN HỒ SƠ		KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ (Trước hạn/đúng hạn/quá hạn)	GHI CHÚ
	Người giao	Người nhận		
1. Giao: Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	...giờ.. .phút, ngày ... tháng ... năm....			
	Người giao	Người nhận		
2. Nhận:				
1. Giao:giờ...phút, ngày... tháng... năm....			
2. Nhận:	Người giao	Người nhận		
1. Giao:giờ...phút, ngày ... tháng ... năm....			
2. Nhận:	Người giao	Người nhận		
.....			
.....			
.....			
1. Giao:giờ...phút, ngày ... tháng... năm....			
2. Nhận:	Người giao	Người nhận		
Trung tâm Phục vụ hành				

chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả			
--	--	--	--

Ghi chú:

- Trường hợp hồ sơ được chuyển qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg thì thời gian giao, nhận hồ sơ và việc ký nhận thể hiện trong hóa đơn của cơ quan Bưu chính;
- Kết quả giải quyết hồ sơ do bên nhận nhập thông tin/ ghi khi nhận bàn giao hồ sơ.
- Trường hợp Hệ thống thông tin một cửa điện tử chưa vận hành, người giao và người nhận phải ký và ghi rõ họ tên. Khi Hệ thống thông tin một cửa điện tử đã vận hành, việc lưu vết được thực hiện tự động và thể hiện trên mẫu phiếu điện tử

UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày..... tháng..... năm 20.....

PHIẾU THĂM DÒ Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ tổ chức, cá nhân ngày càng tốt hơn, chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp chân tình, khách quan từ Quý Ông/Bà đối với quá trình giải quyết hồ sơ hành chính tại Cơ quan chúng tôi.

Vui lòng đánh dấu (X) vào các ô vuông () thích hợp trong các mục sau:

1. Quý Ông/Bà đến làm hồ sơ về lĩnh vực gì:

.....
.....
.....
.....

2. Quý Ông/Bà đánh giá X vào ô thích hợp sau đây:

1	Thời gian trả hồ sơ so với phiếu hẹn/thời gian hẹn	<input type="checkbox"/> Trước hẹn <input type="checkbox"/> Đúng hẹn <input type="checkbox"/> Trễ hẹn
2	Việc công khai quy trình, thủ tục, biểu mẫu hành chính	<input type="checkbox"/> Rất rõ ràng <input type="checkbox"/> Rõ ràng <input type="checkbox"/> Chưa rõ ràng
3	Thái độ trao đổi, giải thích của cán bộ, công chức	<input type="checkbox"/> Dễ hiểu <input type="checkbox"/> Khó hiểu
4	Môi trường, điều kiện vật chất khi đến giải quyết TTHC	<input type="checkbox"/> Rất tốt <input type="checkbox"/> Tốt <input type="checkbox"/> Chưa tốt
5	Số lần phải bổ sung (bổ túc) hồ sơ sau khi đã nộp hồ sơ lần đầu và có biên nhận/phiếu hẹn	_____ lần
6	Kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan này	<input type="checkbox"/> Rất hài lòng <input type="checkbox"/> Hài lòng <input type="checkbox"/> Chưa hài lòng

3. Những ý kiến đóng góp khác (nếu có):.....

.....
.....
.....

Nếu có thể, vui lòng cho biết họ tên người góp ý :

Vui lòng bỏ phiếu này vào “Thùng phiếu góp ý”.

Chúng tôi trân trọng những ý kiến đóng góp quý báu của Quý Ông/Bà. Xin cảm ơn!

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng
Quý .../ Năm.....

I. Kết quả đã đạt được so với mục tiêu:

.....
.....
.....

II. Kết quả chưa đạt được:

.....
.....

Nguyên nhân, lý do ?

.....
.....
.....

III. Vướng mắc phát sinh, đề xuất hỗ trợ (nếu có)

.....
.....
.....

Ninh Bình, ngày tháng năm 20

Người lập

Trưởng phòng